TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 05 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Sơn Hoài Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 202 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Mỹ X**, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Mã Kim H**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: bà X và ông H sống chung từ năm 2002, có làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn hay không. Giữa bà

và ông H ly thân từ năm 2018 cho đến nay, lý do: ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên không về nhà, không lo cho vợ con. Nay bà X yêu cầu được ly hôn với ông H.

+ Việc nuôi con: bà và ông H có hai người con chung gồm Mã Tiến L, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2004 và Mã Tiến P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005. Hiện đang sống chung với bà X, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: bà Đoàn Mỹ X yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Mã Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, đồng thời không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đoàn Mỹ X và ông Mã Kim H là vợ chồng.

+ Việc nuôi con: Đối với Mã Tiến L, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2004 đã thành niên nên không đặt ra xem xét; giao Mã Tiến P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 cho bà X được tiếp tục nuôi dưỡng và tạm miễn cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Do tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Quan hệ hôn nhân**: ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý và và cũng không đồng ý cho lấy lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà X để giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo bà X trình bày giữa bà và ông H có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, lời trình bày này phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T. Từ đó, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Mỹ X và ông Mã Kim H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng thực tế họ đã từng sống chung với nhau như vợ chồng, đã có con chung và tài sản chung. Nay bà X có đơn yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Đoàn Mỹ X và ông Mã Kim H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Việc nuôi con**:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*"

- Anh Mã Tiến P đang sống với bà X, đang phát triển bình thường và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà X. Việc giao cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X, giao anh Mã Tiến P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 cho bà Đoàn Mỹ X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Mã Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: bà Đoàn Mỹ X không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với anh Mã Tiến L, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2004 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[4] **Chia tài sản**: bà Đoàn Mỹ X yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] **Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chổ**:

- Bà Đoàn Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp theo biên lai thu tiền số 0002010 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G và bà X còn được nhận lại số tiền 12.000.000đ.

- Ông Mã Kim H không phải chịu án phí.

- Số tiền bà Đoàn Mỹ X tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đã sử dụng hết nên không xem xét trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Đoàn Mỹ X và ông Mã Kim H là vợ chồng.

2. Việc nuôi con:

- Giao anh Mã Tiến P, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2005 cho bà Đoàn Mỹ X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Mã Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: bà Đoàn Mỹ X không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Chia tài sản: bà Đoàn Mỹ X yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chổ:

- Bà Đoàn Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp theo biên lai thu tiền số 0002010 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G và bà X còn được nhận lại số tiền 12.000.000đ.

- Ông Mã Kim H không phải chịu án phí.

- Số tiền bà Đoàn Mỹ X tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đã sử dụng hết nên không xem xét trả lại.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn